QUẢN LÝ ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ NHẬN ĐỊNH BAN ĐẦU

Đặng Ngọc Như Quỳnh
Nghiên cứu sinh Quản lý giáo dục, Trường Đại học Sài Gòn
Võ Văn Lộc
Trường Đại học Gia Định
Email: quynhdnn@hcmue.edu.vn.

Tóm tắt: *Trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học, quản lý đào tạo giữ vai trò then chốt trong bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo. Bài viết tổng quan có hệ thống các nghiên cứu trong và ngoài nước về quản lý đào tạo ở trường đại học nhằm làm rõ các hướng tiếp cận và xu hướng nghiên cứu. Phương pháp nghiên cứu là tổng quan tài liệu kết hợp phân tích - tổng hợp. Kết quả cho thấy, đào tạo đại học chủ yếu theo hướng tiếp cận năng lực và nhu cầu xã hội; quản lý đào tạo tập trung vào đảm bảo chất lượng và quản trị hiện đại. Tuy nhiên, nghiên cứu chuyên sâu theo từng ngành còn hạn chế, cần tiếp tục được quan tâm trong thời gian tới.*

Từ khoá: *Quản lý đào tạo, giáo dục đại học, đào tạo theo năng lực, đảm bảo chất lượng đào tạo. .*
Nhận bài: 05/3/2026; Biên tập: 06/3/2026; Phản biện: 09/3/2026; Duyệt đăng: 16/3/2026.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục đại học (ĐH) Việt Nam đang chuyển mình mạnh mẽ dưới tác động của toàn cầu hóa, cách mạng công nghiệp lần thứ tư và yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động [1]. Vì vậy, quản lý (QL) đào tạo (ĐT) đã và đang trở thành một trong những nội dung trung tâm của quản trị ĐH. Chất lượng ĐT của trường ĐH không chỉ phụ thuộc vào chương trình, đội ngũ giảng viên hay cơ sở vật chất, mà còn gắn chặt với hiệu quả của các hoạt động QL ĐT [2]. Trong xu thế chuyển từ mô hình QL hành chính sang quản trị ĐH hiện đại, QL ĐT ngày càng được nhìn nhận như một quá trình mang tính chiến lược, có vai trò quyết định đối với việc bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục ĐH [3].

QL ĐT ở trường ĐH đã được đề cập trong nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, với các cách tiếp cận đa dạng. Một số nghiên cứu tập trung vào các chức năng QL ĐT; một số khác tiếp cận theo hướng QL chất lượng, QL theo chuẩn đầu ra, hoặc QL ĐT trong bối cảnh tự chủ và chuyển đổi số. Tuy nhiên, các nghiên cứu này còn phân tán, thiếu sự hệ thống hóa và chưa hình thành được một bức tranh tổng thể về xu hướng nghiên cứu cũng như những vấn đề cốt lõi của QL ĐT ĐH. Bên cạnh đó, nhiều nghiên cứu còn thiên về mô tả thực trạng hoặc đề xuất giải pháp, trong khi các phân tích mang tính tổng hợp, phê phán và gợi mở lý luận vẫn còn hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh giáo dục ĐH Việt Nam.

Xuất phát từ những lý do trên, bài viết này nhằm tổng quan có hệ thống các nghiên cứu về QL ĐT ở trường ĐH, qua đó làm rõ các hướng tiếp cận chủ yếu, xu hướng nghiên cứu nổi bật và những vấn đề đang được quan tâm trong lĩnh vực này. Trên cơ sở tổng quan và phân tích các công trình nghiên cứu tiêu biểu, bài viết đưa ra những nhận định ban đầu về thực trạng nghiên cứu QL ĐT ĐH, đồng thời chỉ ra khoảng trống nghiên cứu cần tiếp tục được khai thác trong thời gian tới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện theo phương pháp tổng quan tài liệu có hệ thống kết hợp với phân tích - tổng hợp nhằm làm rõ các xu hướng nghiên cứu về QL ĐT ở trường ĐH. Nguồn tư liệu được thu thập từ các công trình nghiên cứu tiêu biểu trong và ngoài nước, bao gồm sách chuyên khảo, bài báo khoa học, luận án và báo cáo nghiên cứu liên quan đến QL giáo dục ĐH và QL ĐT, được công bố trên các tạp chí uy tín và cơ sở dữ liệu học thuật. Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn về tính liên quan, độ tin cậy và giá trị học thuật, các tài liệu được phân loại theo các hướng tiếp cận nghiên cứu. Quá trình phân tích tập trung vào việc so sánh, đối chiếu quan điểm, nội dung và kết quả nghiên cứu nhằm nhận diện những điểm tương đồng, khác biệt, xu hướng phát triển cũng như những hạn chế và khoảng trống nghiên cứu. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đưa ra các nhận định ban đầu mang tính tổng hợp và định hướng cho các nghiên cứu tiếp theo về QL ĐT ở trường ĐH.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Các nghiên cứu về đào tạo tại trường đại học

Hướng nghiên cứu về ĐT ở trường ĐH được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm đặc biệt. Bởi lẽ, ĐT là hoạt động chủ đạo của các trường ĐH, quyết định chất lượng và thương hiệu của nhà trường [3]. Do vậy, các nghiên cứu về vấn đề này được tiến hành khá nhiều. Trong đó, tập trung vào hai hướng nghiên cứu: ĐT dựa theo năng lực và ĐT theo tiếp cận nhu cầu xã hội.

Nghiên cứu ĐT dựa theo năng lực khởi phát từ những năm 70 của thế kỉ trước tại các trường học ở Mỹ và được triển khai ứng dụng tại nhiều cơ sở ĐT trên khắp nước Mỹ trong những năm 80. Clark (1976) cho rằng các chương trình giảng dạy dựa theo năng lực nhấn mạnh vào mục tiêu là khả năng vận dụng kiến thức được học của người học vào

các tình huống công việc thực tế và mô hình này chủ yếu phù hợp áp dụng trong lĩnh vực ĐT nghề. Blank (1980) đã chỉ ra những nguyên tắc của tiếp cận năng lực trong ĐT và đặt trọng tâm vào việc phát triển chương trình ĐT dựa theo năng lực.

Về triển khai ĐT dựa theo năng lực, Blank (1980) nhấn mạnh chương trình ĐT cần phải xác định rõ đầu ra của người học, cách thức sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học, tập trung vào hoạt động học chứ không phải hoạt động dạy. Fletcher (1991) đề xuất một hướng dẫn quan trọng về các nguyên tắc then chốt, các phương pháp, ý nghĩa và lợi ích của các kỹ thuật đánh giá theo năng lực và đặc biệt cần phải xác lập các tiêu chuẩn, tiêu chí năng lực, tập hợp các minh chứng năng lực và so sánh minh chứng với chính các tiêu chuẩn, tiêu chí đã xây dựng để đánh giá năng lực của cá nhân. Lowrie (1999) đã nhận định rằng, giảng viên muốn có được năng lực đáp ứng được chuẩn ĐT theo tiếp cận năng lực cần tham gia các khoá tập huấn, bồi dưỡng giảng viên tại nơi làm việc, hỗ trợ từ đồng nghiệp và luôn phải rèn luyện. Deissinger và Hellwig (2011) đã trình bày sâu về triết lý ĐT dựa theo năng lực và cung cấp một số vấn đề lý luận cũng như thực tiễn về chức năng ĐT dựa theo năng lực ở trường ĐH, nhấn mạnh tầm quan trọng của các khâu lập kế hoạch, phát triển chương trình giảng dạy và công nhận kết quả nếu muốn thực hiện thành công ĐT dựa theo năng lực.

Về thực hiện ĐT theo tiếp cận năng lực, Gonczi (1994) đã nghiên cứu trường hợp tại Úc và chỉ ra rằng việc học tập dựa theo năng lực là trọng tâm đối với nhiều nghiên cứu, nhưng kết quả cho thấy giáo dục ĐH ít được hưởng lợi từ các kết quả nghiên cứu, vì vậy ít quan tâm đến việc nghiên cứu lĩnh vực này và áp dụng trong thực tiễn. Cũng nghiên cứu tại Úc, Harris và cộng sự (1995) lại khẳng định những ích lợi mà ĐT theo tiếp cận năng lực mang lại, cho rằng ĐT theo tiếp cận năng lực phát huy tối đa năng lực riêng của mỗi người học, giúp người học tự tìm tòi, khám phá tri thức dựa trên sở thích và mối quan tâm riêng, giúp người học làm chủ tri thức và vận dụng nó vào thực tế cuộc sống. Johnstone và Soares (2014) nhận định rằng để thực thi mô hình giáo dục năng lực thành công đòi hỏi phải có sự nghiên cứu và xem xét thận trọng tới nội dung, chương trình, phương pháp dạy học.

Nguyễn Đức Trí (1996) đã xác lập được cơ sở lý luận về ĐT theo năng lực thực hiện gồm có các khái niệm, các nội dung lý luận về ĐT nghề theo năng lực thực hiện, đề xuất các bước xây dựng chương trình ĐT theo khung năng lực thực hiện. Tiếp nối đó, Nguyễn Đức Trí (2000) tiến hành nghiên cứu xây dựng mô hình ĐT giáo viên kỹ thuật ở trình độ ĐH cho các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, đã đề xuất các mô hình ĐT giáo viên dạy kỹ thuật trong đó khẳng định phương thức ĐT theo năng lực thực hiện cần được áp dụng trong ĐT giáo viên ở Việt Nam. Trần Khánh Đức (2011) nghiên cứu chuẩn đầu ra và phát triển chương trình ĐT theo năng lực ở bậc ĐH đã nhấn mạnh tới việc xây dựng năng lực cho SV ở trường ĐH cần dựa trên 3 thành tố cơ bản, kiến thức, thái độ, kỹ năng. Vũ Xuân Hùng (2011) và Cao Danh Chính (2012) đã hệ thống hóa lý luận về năng lực dạy học cho sinh viên ĐH sư phạm kỹ thuật trong thực tập sư phạm theo tiếp cận năng lực thực hiện, phân tích thực trạng và đề xuất được các biện pháp rèn luyện năng lực dạy học cho sinh viên ĐH sư phạm kỹ thuật trong thực tập sư phạm theo tiếp cận năng lực thực hiện.

ĐT theo nhu cầu xã hội cũng là hướng nghiên cứu đã và đang được quan tâm, thường tập trung vào lĩnh vực ĐT nghề và ĐT ĐH theo hướng ứng dụng. Rothwell và Lindholm (1999) khẳng định rằng sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ vào thế kỉ XIX đã tạo ra những đòi hỏi phải nâng cao năng suất và hiệu quả lao động, tuy nhiên, trong thực tiễn, việc ĐT nguồn nhân lực để trực tiếp tham gia vào quá trình lao động trong xã hội còn thuần túy theo cách bắt chước kinh nghiệm và rập khuôn một cách máy móc. Della-Vos (1965, dẫn theo Schenk, 2013) xác định muốn ĐT nghề đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động thì phải nhận biết các kiến thức, năng lực cần thiết được xem là chuẩn đầu ra thỏa mãn nhu cầu thị trường lao động đối với người đã qua ĐT. Các quan điểm nêu trên của tác giả đặt nền tảng khoa học cho ĐT nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

Về thực hiện ĐT theo nhu cầu xã hội, UNESCO-UNEVOC (1997) đã nêu những quan điểm và phương pháp để gắn giáo dục kỹ thuật và dạy nghề với thế giới việc làm, ĐT gắn với sử dụng lao động, nhấn mạnh tới việc cần phải gắn giáo dục kỹ thuật và dạy nghề với nhu cầu của thị trường lao động và yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động. Tzannatos và Johnes (1997) đã nghiên cứu về cách thức triển khai ĐT kết nối với việc làm tại các nước Châu Á có nền kinh tế phát triển và khẳng định đây là một hướng đi đúng đắn cho ĐT nghề, đem lại hiệu quả và chất lượng trong ĐT cũng như giúp ích cho SV dễ xin việc khi ra trường, SV cũng dễ hơn trong việc thích ứng với môi trường làm việc khi mới đi làm. Rothwell và Lindholm (1999) cho rằng để nâng cao chất lượng ĐT nguồn nhân lực, cần phải khám phá ra những cách thức trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng cho người được ĐT có được năng lực hành nghề, đáp ứng những yêu cầu của xã hội đối với nguồn nhân lực nghề nhằm thỏa mãn nhu cầu thị trường lao động. Còn Ummat (2013) đã khẳng định ĐT gắn liền với đơn vị sử dụng lao động đã đem tới những hiệu quả khả quan cho các trường, SV sau khi tốt nghiệp đã dễ dàng tìm kiếm việc làm phù hợp.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu về ĐT theo nhu cầu

xã hội khẳng định được sự cần thiết phải gắn liền ĐT ở trường ĐH với các đơn vị sử dụng lao động, có như vậy, ĐT mới đáp ứng được yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động và của chính người học. Nguyễn Minh Đường và Phan Văn Kha (2006) cũng trình bày những vấn đề lý luận và thực trạng về mối quan hệ giữa cung cầu nhân lực trên thị trường lao động trong nền kinh tế thị trường và đề xuất các giải pháp về ĐT nhân lực hướng tới đáp ứng nhu cầu xã hội. Bành Tiến Long (2007) đã phân tích thực trạng ĐT đáp ứng nhu cầu xã hội ở Việt Nam và đưa ra các giải pháp như tăng cường hợp tác giữa nhà trường và bên sử dụng lao động, xây dựng các danh mục nghề và các tiêu chuẩn nghề nghiệp, kiểm tra và đánh giá các năng lực nghề nghiệp. Trần Anh Tài (2009) và Phan Chính Thức (2003, 2010) đã coi nhà trường và doanh nghiệp là hai thành tố của thị trường lao động và nhận định rằng qua quá trình hợp tác liên kết này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, cung cấp các thông tin về nhu cầu nhân lực vốn luôn biến động để kịp thời điều chỉnh quá trình ĐT. Phan Minh Hiền (2011) cũng đã nghiên cứu lý luận và đánh giá thực trạng phát triển ĐT nghề đáp ứng nhu cầu xã hội, khẳng định tính đúng đắn cần phải phát triển ĐT nghề đáp ứng nhu cầu xã hội.

Như vậy, hai hướng nghiên cứu này tuy có trọng tâm khác nhau nhưng cùng hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng ĐT, bảo đảm tính thích ứng và hiệu quả của nguồn nhân lực đối với thị trường lao động. Các nghiên cứu đã làm rõ cách thức vận dụng các tiếp cận ĐT, định hướng mô hình, quy trình triển khai ĐT trong các trường ĐH.

2.2.2. Các nghiên cứu về đảm bảo chất lượng đào tạo tại trường đại học

Đảm bảo chất lượng ĐT một hướng nghiên cứu được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm khi tìm hiểu về QL ĐT ở trường ĐH. Lý thuyết QL chất lượng được hình thành và phát triển kéo dài trong lĩnh vực QL kinh tế trước khi được ứng dụng vào QL giáo dục [4]. Tại các trường ĐH hiện nay, đảm bảo chất lượng ĐT được xem là nhiệm vụ trọng tâm.

Freeman (1993) đã khẳng định đảm bảo chất lượng là một cách tiếp cận mà công nghiệp sản xuất sử dụng nhằm đạt được chất lượng tốt nhất và đảm bảo chất lượng là một cách tiếp cận có hệ thống nhằm xác định nhu cầu thị trường lao động và điều chỉnh các phương thức làm việc nhằm đáp ứng được các nhu cầu đó. Deming (2000, 2018) đã khái quát lại mô hình lý thuyết QL chất lượng, trong đó, cốt lõi là 14 luận điểm nhằm QL cải tiến chất lượng. Các nghiên cứu nổi bật nhất về QL chất lượng ĐT có thể kể đến West-Burnham (1992), Taylor và Hill (1997) đã đưa ra những cơ sở lý luận, quan điểm và phương pháp vận dụng các nội dung QL chất lượng trong sản xuất vào đổi mới QL chất lượng trong giáo dục, hướng đến cải tiến chất lượng giáo dục của nhà trường.

Kefalas và cộng sự (2003) đã khẳng định rằng, một hệ thống đảm bảo chất lượng bao giờ cũng phải bao gồm các tiêu chuẩn chất lượng như: chương trình học tập hiệu quả, đội ngũ giảng viên, khả năng sử dụng cơ sở hạ tầng, phản hồi tích cực từ học viên, sự hỗ trợ từ các bên liên quan, thị trường lao động. Tài liệu của Cơ quan Đảm bảo Chất lượng Giáo dục Đại học đã chỉ ra rằng, mỗi cơ sở ĐT có một quy trình đảm bảo chất lượng nội bộ riêng, còn cơ quan đảm bảo chất lượng thực hiện đánh giá và kiểm soát chất lượng bên ngoài bằng cách tham khảo các cơ sở giáo dục ĐH, dạy nghề, để đưa ra báo cáo về các ưu điểm và các khuyến nghị để các cơ sở dạy nghề tự cải thiện.

Bàn về mô hình đảm bảo chất lượng ĐT ở trường ĐH, Manakin (2010) nhấn mạnh đến sự đa dạng của hệ thống đảm bảo chất lượng trong giáo dục ĐH Mỹ bao gồm cả đánh giá ngoài và đánh giá trong cũng như kiểm định giáo dục ĐH và tự đánh giá của các trường ĐH với 3 loại tổ chức kiểm định: Tổ chức Kiểm định Quốc gia, Tổ chức Kiểm định vùng và Tổ chức Kiểm định Nghề nghiệp. Vaaland và Ishengoma (2016) cho rằng mô hình QL chất lượng, tiêu biểu là mô hình QL chất lượng Châu Âu (EFQM), là một khung tự đánh giá những điểm mạnh và và điểm yếu trong lĩnh vực QL chất lượng để cải thiện hoạt động của một tổ chức, nhằm cung cấp một dịch vụ hoặc sản phẩm xuất sắc cho khách hàng hoặc các bên liên quan.

Các nghiên cứu trong nước cũng quan tâm tới vấn đề QL chất lượng trong giáo dục. Trần Thị Bích Liễu (2005) đã giới thiệu những vấn đề cốt lõi, trọng tâm của QL nhà trường, tập trung nhiều nhất vào QL chất lượng dạy học và giáo dục. Nguyễn Văn Hùng (2016) cho rằng, để đáp ứng được yêu cầu ĐT nguồn nhân lực phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc đổi mới QL chất lượng ĐT cũng cần được chú trọng trong chiến lược phát triển nhà trường. Trịnh Huề (2018) khẳng định rằng QL ĐT theo hướng đảm bảo chất lượng, dựa trên tiếp cận năng lực thực hiện và hệ thống tiêu chuẩn AUN-QA kết hợp bộ 10 tiêu chuẩn của BGDĐT, là mô hình phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam hiện nay, góp phần nâng cao hiệu quả QL, chất lượng ĐT và năng lực đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội.

2.2.3. Các nghiên cứu về mô hình quản lý đào tạo tại trường đại học

Các nghiên cứu về mô hình QL ĐT ở bậc ĐH ngày càng được quan tâm, phản ánh vai trò trung tâm của công tác trong việc bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục ĐH [5]. Các công trình này tập trung làm rõ cơ sở lý luận, mô hình và thực tiễn QL ĐT, đồng thời đề xuất xu hướng, giải pháp và biện pháp đổi mới nhằm thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số, tự chủ đại học và hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay.

Ở Trung Quốc, Thái Nguyên Bồi cho rằng việc QL ĐT ở trường ĐH, có những điểm cần lưu ý: Tôn trọng các lý thuyết khoa học, noi theo mẫu hình về các trường ĐH trên thế giới, chấp nhận mọi ý kiến và quan điểm theo nguyên tắc tự do tư tưởng cũng như các trường phái học thuật khác nhau (dẫn theo Bùi Minh Hiền & Nguyễn Vũ Bích Hiền, 2018). Học giả này cũng đã đưa ra hai nguyên lý căn bản để QL và điều hành cơ sở GD ĐH là tìm kiếm, chấp nhận những đề xuất của xã hội và khuyến khích việc cải cách ở những nơi cần thiết; đồng thời, đề ra các giải pháp cụ thể hướng đến đề cao giá trị học thuật của trường ĐH, phát huy tính tích cực của các chủ thể QL, đề cao tài năng và tự do dân chủ trong cơ sở ĐT.

Ở Mỹ, Kurre và cộng sự (2012) trên cơ sở thực tiễn về tình hình phát triển của kinh tế - xã hội và sự mở rộng mạng lưới các trường ĐH, đã phân tích những khó khăn mà các trường ĐH cần phải xác định rõ nguyên nhân và tìm ra những giải pháp thích hợp để duy trì hoạt động và phát triển bền vững, tác giả cũng đã đề xuất những nghiên cứu về các giải pháp QL ĐT, để vận dụng linh hoạt vào các trường ĐH trên thế giới.

Ở Pháp, Bộ Giáo dục kết hợp Bộ Giáo dục Đại học và Nghiên cứu Quốc gia Pháp cùng với các tổ chức giáo dục khác thực hiện, để xây dựng các chuẩn đầu ra, cũng như các quy chuẩn kỹ năng nghề nghiệp trong từng lĩnh vực, cần phải có sự mô tả tỉ mỉ chi tiết về những đặc điểm, chức năng của ngành/lĩnh vực và xem đó như là khung quy chuẩn về ĐT nghề. Theo báo cáo này, chuẩn nghề nghiệp phải tuân theo những đặc điểm và đặc thù của từng lĩnh vực ngành nghề, phải có sự thống nhất để duy trì sự cân bằng giữa các yếu tố để có thể áp dụng được và sử dụng được.

Ở một số quốc gia khác, Trần Kiểm và Nguyễn Xuân Thức (2012) đã đề cập về mô hình QL giáo dục của họ: Ở Pháp, hầu hết các trường ĐH công lập đặt dưới sự bảo trợ của Bộ Giáo dục Đại học và Nghiên cứu Quốc gia, dựa vào ý kiến của Hội đồng chuyên trách về ĐT (bao gồm các đại biểu giảng viên và SV các trường, các nhân vật bên ngoài) tư vấn cho các bộ trưởng tất cả các vấn đề liên quan đến GD ĐH, tạo ra sự thống nhất trên cơ sở thảo luận kỹ lưỡng các vấn đề liên quan đến QL ĐT của cơ sở ĐT họ phụ trách. Còn ở Nga, QL ĐT trên cơ sở thống nhất chuẩn giáo dục của nhà nước đối với mọi hình thức, các cơ sở giáo dục ĐH được quyền tự trị, sự khác nhau giữa công lập và tư thục là nguồn tài chính và sở hữu. Như vậy việc tự chủ và căn cứ theo chuẩn chung là cách QL ĐT đáng được lưu tâm, tạo sự năng động, hướng tới chất lượng của các cơ sở ĐT nhằm đạt yêu cầu của các cấp QL và thực tiễn xã hội.

Bên cạnh đó, còn có những công trình nghiên cứu lý luận chung về mô hình QL giáo dục và ĐT, hướng vào giải quyết những vấn đề vĩ mô của QL giáo dục. Các công trình của Nguyễn Quốc Chí và Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2012), Nguyễn Minh Đường (2006), Hoàng Thị Minh Phương (2014), Trần Kiểm (2021) đã nêu ra những lý luận chung về QL giáo dục và ĐT, các định hướng về QL ĐT, đồng thời đi sâu làm rõ các chức năng QL, các nội dung và cách thức QL, vai trò của người QL trong nhà trường. Đặng Quốc Bảo (2007) khái quát toàn diện các nội dung QL nhà trường theo Luật Giáo dục, từ sứ mệnh và vai trò của nhà trường trong đời sống kinh tế - xã hội, tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, đến QL đội ngũ, tài chính, CSVC-KT, thanh tra - kiểm tra, thông tin và nâng cao hiệu quả ĐT, đồng thời nhấn mạnh vai trò trung tâm của HT trong công tác QL. Vũ Ngọc Hải và cộng sự (2007) đưa ra vấn đề QL giáo dục gắn với việc thực hiện các chủ trương, chính sách giáo dục quốc gia, nâng cao hiệu quả đầu tư cho giáo dục, thực hiện các mục tiêu giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục. Nguyễn Lộc (2009) đã nhấn mạnh xây dựng chiến lược ĐT như một chức năng quan trọng của tổ chức, chỉ rõ quá trình xây dựng chiến lược phải gắn bó chặt chẽ với việc xác định hiện trạng, định hướng tương lai, tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu của một tổ chức đã đề ra. Trần Khánh Đức và cộng sự (2019) đã phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả của các hoạt động QL, nghiên cứu, ĐT trong các trường ĐH.

2.2.4. Các nghiên cứu về tiếp cận quản lý đào tạo tại trường đại học

Bên cạnh các nghiên cứu về mô hình QL, nhiều công trình còn tập trung làm rõ những tiếp cận lý thuyết và ứng dụng trong QL ĐT ở các trường ĐH, đặc biệt là các nghiên cứu trong nước. Các cách tiếp cận này giúp xác định cách nhìn, phương thức và công cụ để tổ chức, điều hành và đánh giá ĐT một cách khoa học, hiệu quả [6]. Luận án tập trung vào các nghiên cứu trong nước nhằm đảm bảo tính hệ thống và khả năng vận dụng trong thực tiễn QL ĐT ngành NNP ở các trường ĐH.

Trần Kiểm (2016, 2018, 2021) đề cập tiếp cận phức hợp trong QL ĐT, coi đối tượng QL là một chỉnh thể có các thành tố gắn bó và tương tác hữu cơ, đòi hỏi CBQL phải có cái nhìn biện chứng và hướng tới chất lượng tổng thể, trong đó các yếu tố chủ đạo cần được đầu tư và cải tiến đồng bộ. Tác giả cũng trình bày tiếp cận QL dựa vào nhà trường, nhấn mạnh quyền tự chủ của cơ sở ĐT về tài chính, nhân sự và chương trình ĐT, cùng sự tham gia dân chủ của người dạy, người học và các bên liên quan trong việc ra quyết định và giải quyết các vấn đề phát sinh. Việc QL ĐT theo tiếp cận tăng quyền tự chủ của các sở ĐT là một xu thế hiện đại và đang được các nước trên thế giới vận dụng cũng như ở Việt Nam những năm gần đây, góp phần nâng cao hiệu quả, phát triển cơ sở ĐT theo tiếp cận trách nhiệm, hiệu quả và khẳng định vị thế rõ nét.

QL ĐT theo tiếp cận chuẩn đầu ra cũng là vấn đề được các nghiên cứu trong nước quan tâm. Lê Đức Ngọc và Trần Hữu Hoan (2010) đã chỉ ra các yêu cầu trong QL ĐT theo chuẩn đầu ra như: cụ thể hóa và chi tiết hóa mục tiêu ĐT của chương trình GD ĐT thông qua việc xác định chuẩn đầu ra; xây dựng chuẩn đầu ra; tuyên bố chuẩn đầu ra cho một chương trình GD ĐT; QL các hoạt động của người dạy và người học; phương thức đánh giá kết quả ĐT theo chuẩn đầu ra. Ngô Hồng Điệp (2011) đã trình bày những lợi ích, những khó khăn, các điểm cần chú ý trong QL ĐT theo chuẩn đầu ra đối với nhà trường, giảng viên, SV, các cấp QL, vai trò của doanh nghiệp sử dụng lao động và những tổ chức đánh giá ngoài chất lượng ĐT. Nguyễn Tuyết Lan (2015) đã nêu quan điểm của mình trong QL ĐT theo tiếp đầu ra là cần xác định chuẩn đầu ra dựa trên yêu cầu của doanh nghiệp, QL toàn bộ quá trình liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp, từ xây dựng chương trình, thiết kế bài học, tổ chức giảng dạy đến đánh giá kết quả học tập đều phải phù hợp với chuẩn đầu ra và nhu cầu thực tiễn.

Về QL ĐT dựa theo nhu cầu xã hội, Hồ Cảnh Hạnh (2012) đã đưa ra một số giải pháp như: xây dựng quy hoạch phát triển nguồn nhân lực về số lượng, chất lượng và cơ cấu ngành nghề; đổi mới mô hình và quy trình tổ chức ĐT; hoàn thiện và phát triển chương trình ĐT vừa có tính khác biệt thích ứng với nhu cầu sử dụng, hoàn thiện chuẩn đầu ra theo chuẩn trường, chuẩn quốc gia, chuẩn khu vực và chuẩn quốc tế. Nguyễn Thị Hằng (2013) cho rằng để ĐT nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội, các trường cần đổi mới QL ĐT theo hướng cung - cầu của thị trường lao động, tăng cường gắn kết với doanh nghiệp và phát triển chương trình ĐT theo chuẩn đầu ra, tích hợp lý thuyết với thực hành và bảo đảm tính liên thông giữa các trình độ. Trần Văn Long (2015) cho rằng ĐT hiện nay chưa đáp ứng yêu cầu thực tế của doanh nghiệp do công tác QL ĐT còn rời rạc, thiếu đồng bộ, chương trình ĐT chậm cập nhật và chuẩn đầu ra chưa phản ánh đúng nhu cầu thị trường lao động, vì vậy, cần đổi mới QL ĐT, gắn mục tiêu, nội dung và hoạt động ĐT với thực tiễn, tăng cường liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả và đáp ứng nhu cầu xã hội.

Ngoài ra, còn rất nhiều công trình khác của các tác giả trong nước ở các cấp độ khác nhau đã bàn về công tác QL ĐT trong trường ĐH. Các công trình là rất phong phú và bàn đến nhiều khía cạnh khác nhau của công tác QL ĐT.

2.3. Nhận định

Tổng quan các công trình trong và ngoài nước cho thấy, nghiên cứu về ĐT và QL ĐT ở trường ĐH đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, hình thành nên cơ sở lý luận và thực tiễn tương đối vững chắc cho lĩnh vực này.

Về ĐT ở trường ĐH, hai hướng tiếp cận chủ đạo là ĐT theo năng lực và ĐT theo nhu cầu xã hội đã được nghiên cứu sâu và khẳng định giá trị. Các công trình kinh điển ngoài nước đã đặt nền tảng lý thuyết cho ĐT dựa trên năng lực, nhấn mạnh vai trò của chuẩn đầu ra, đánh giá theo năng lực và phát triển chương trình ĐT dựa trên năng lực thực hiện. Song song đó, hướng nghiên cứu ĐT theo nhu cầu xã hội làm rõ mối quan hệ giữa ĐT và thị trường lao động, khẳng định tầm quan trọng của việc gắn kết giữa cơ sở đào tạo và đơn vị sử dụng lao động. Tại Việt Nam, các tác giả đã kế thừa và phát triển hai hướng này, hình thành các mô hình và quy trình ĐT phù hợp bối cảnh trong nước.

Về QL ĐT ở trường ĐH, các nghiên cứu quốc tế và trong nước đã đạt được tiến bộ đáng kể trong việc vận dụng các mô hình QL chất lượng cũng như các tiếp cận quản trị hiện đại, góp phần định hình cơ sở lý luận cho QL ĐT theo hướng đảm bảo chất lượng ĐT và trách nhiệm giải trình. Có thể thấy, các vấn đề về QL ĐT đề cập dưới những góc độ khác nhau, song đều thống nhất ở điểm: mọi tác động của chủ thể QL đối với đối tượng QL đều phải hướng tới việc thực hiện hiệu quả mục tiêu ĐT. Để đạt được điều đó, QL ĐT trong các trường ĐH cần được tổ chức hệ thống, khoa học và khả thi.

Tuy nhiên, mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về QL ĐT trong các trường ĐH, song các nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống về QL ĐT các ngành học vẫn còn rất hạn chế. Phần lớn các công trình mới dừng lại ở việc phân tích khái quát các mô hình hoặc tiếp cận QL ĐT ở tầm vĩ mô, chưa chú trọng đến đặc thù của các ngành trong bối cảnh đổi mới giáo dục, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Chính vì vậy, cần có những nghiên cứu tập trung làm rõ nội dung QL ĐT các ngành học trong các trường ĐH, nhằm xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc tổ chức, vận hành và nâng cao chất lượng ĐT của từng ngành học cụ thể.

Bên cạnh đó, tổng quan các công trình nghiên cứu cũng cho thấy một số vấn đề đặt ra đối với nghiên cứu và thực tiễn QL ĐT ở trường ĐH hiện nay. Nhiều nghiên cứu vẫn tiếp cận QL ĐT theo hướng tách rời giữa nội dung ĐT và hoạt động QL, trong khi thực tiễn đòi hỏi phải xem QL ĐT như một quá trình tích hợp, gắn kết chặt chẽ giữa mục tiêu, nội dung, phương pháp, đánh giá và các điều kiện đảm bảo chất lượng. Việc thiếu các mô hình QL ĐT mang tính tổng thể và liên thông đã hạn chế hiệu quả triển khai các tiếp cận ĐT hiện đại trong các cơ sở giáo dục ĐH. Cùng với đó, các nghiên cứu về QL ĐT phần lớn tập trung vào việc mô tả mô hình, cơ chế hoặc đề xuất giải pháp ở mức khái quát, trong khi các nghiên cứu thực nghiệm, dựa trên dữ liệu và bằng chứng khoa học về hiệu quả QL ĐT còn tương đối ít. Điều này dẫn đến khoảng cách nhất định giữa lý luận và thực tiễn QL ĐT, đặc biệt trong

bối cảnh các trường đại học đang chịu áp lực mạnh mẽ về tự chủ, trách nhiệm giải trình và cạnh tranh chất lượng.

Từ những nhận định trên, có thể khẳng định rằng việc tiếp tục nghiên cứu QL ĐT ở trường ĐH theo hướng tiếp cận tích hợp, gắn với đặc thù ngành học và bối cảnh đổi mới giáo dục là yêu cầu cấp thiết, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả QL và chất lượng ĐT trong giai đoạn hiện nay.

3. Kết luận

Kết quả tổng quan cho thấy, nghiên cứu về ĐT ĐH tập trung chủ yếu vào hai hướng tiếp cận lớn là ĐT theo năng lực và ĐT theo nhu cầu xã hội. Hai hướng tiếp cận này tuy khác nhau về trọng tâm nhưng đều hướng đến mục tiêu chung là nâng cao chất lượng ĐT, tăng cường khả năng thích ứng của người học với yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển kinh tế - xã hội. Các nghiên cứu về QL ĐT ở trường ĐH đã có những bước phát triển đáng kể, đặc biệt là trong việc vận dụng các mô hình QL chất lượng, đảm bảo chất lượng và các tiếp cận quản trị hiện đại. Nhiều công trình đã khẳng định vai trò then chốt của QL ĐT trong việc định hướng, tổ chức và kiểm soát quá trình đào tạo nhằm thực hiện hiệu quả mục tiêu giáo dục đại học. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện nay vẫn còn phân tán, chủ yếu tiếp cận ở tầm vĩ mô hoặc mang tính khái quát, chưa đi sâu vào QL ĐT các ngành học cụ thể trong bối cảnh tự chủ đại học, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Từ những kết quả tổng quan và nhận định, có thể thấy, cần tiếp tục thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống về QL ĐT ở từng ngành học trong trường ĐH, qua đó góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận và cung cấp luận cứ khoa học cho việc nâng cao hiệu quả QL và chất lượng ĐT bậc ĐH trong giai đoạn hiện nay ■

Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Chính trị (2024). *Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/08/2024 tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.*

[2]. Manakin, V. (2010). *Quality assurance: Internal strategies in US higher education institutions [electronic version].*

[3]. Hà Mạnh Hùng (2016). *Cơ sở lý luận về quản lý chất lượng đào tạo.* Tạp chí Giáo dục, 385, 1-3.

[4]. Deming, E. W. (2018). *The new economics for industry, government, education.* The MIT Press.

[5]. Trần Khánh Đức, Dương Thị Hoàng Yến, Đỗ Thị Thu Hằng, Nguyễn Đức Huy và Lê Thanh Huyền (2019). *Quản lý đào tạo và quản trị nhà trường hiện đại.* Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

[6]. Trần Kiểm (2016). *Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục.* Nxb. Đại học Sư phạm.

Training management in universities: a literature review and preliminary insights

Ngoc Nhu Quynh Dang
Doctoral Candidate in Educational Management, Saigon University
Van Loc Vo
Gia Dinh University
Email: quynhdnn@hcmue.edu.vn.

Abstract: *In the context of higher education reform, training management plays a key role in ensuring and improving training quality. This article provides a systematic review of both domestic and international studies on training management in universities, aiming to clarify major approaches and research trends. The study employs a literature review method combined with analysis and synthesis of relevant works. The findings indicate that higher education primarily adopts competency-based and labor market-oriented approaches, while training management focuses on quality assurance and modern governance models. However, in-depth studies on training management in specific disciplines remain limited and require further attention in the future.*

Keywords: *Training management, higher education, competency-based education, quality assurance.*